

Bản án số: 02/2021/HS-PT
Ngày 11 - 01 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH PHÚC**

- T phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Hoàng Thanh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vĩnh Thành và bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Linh - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên toà:
Bà Nguyễn Thị Văn - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 138/2020/TLPT-HS ngày 10 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Văn B, do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TD.

Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Văn B**; sinh năm 1993; nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; chức vụ Đảng, đoàn thể : Đảng viên (đang tạm đình chỉ sinh hoạt Đảng); quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh 1968; vợ là Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Con: Có 01 con sinh 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo tại ngoại (có mặt).

Trong vụ án này còn có 09 bị cáo khác không có kháng cáo, kháng nghị Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện TD và Bản án hình sự sơ thẩm của Toà án nhân dân huyện TD, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 12 giờ 00 ngày 07/5/2020, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Trung T, Dương Văn H, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N và Đỗ Văn Y, đều ở thôn P, xã H, huyện TD cùng nhau uống nước tại quán nước ở khu vực gầm cầu cao tốc Nội Bài – Lào Cai thuộc địa phận thôn Đ, xã Đ, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc. Trong khi ngồi uống nước có người nói quen K ở xã Đ, huyện TD, B1 có số điện thoại của K nên B1 gọi điện rủ Nguyễn Như K đến uống nước. Khi uống nước, các đối tượng rủ nhau lên khu vực đồi Đồng Cóc thuộc thôn P,

xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa. Nguyễn Văn N về nhà lấy 02 bát sứ, 02 đĩa sứ, 01 chiếu cói và 01 kéo mang lên đồi. Sau đó, tất cả di chuyển lên đồi, lúc này K và Lê Văn H2 đến đi cùng cả bọn lên đồi Đồng Cóc để đánh bạc ăn tiền. Khi các đối tượng lên đến đồi Đồng Cóc đã thấy có chiếu cói, bát, đĩa được Nguyễn Văn N chuẩn bị sẵn. Khi Nguyễn Văn B1 cùng các đồng phạm chuẩn bị đánh bạc thì Phùng Văn T2 và Nguyễn Văn B đến. Nguyễn Văn C dùng kéo cắt 04 quân vị hình tròn, một mặt màu trắng, một mặt màu vàng từ vỏ bao thuốc lá của T2. Sau đó, tất cả cùng ngồi xuống chiếu để đánh bạc, K là người cho các đối tượng khác vay tiền đánh bạc, không tham gia trực tiếp. Lúc đầu, Nguyễn Văn C ngồi giữa xóc cái, các đối tượng tham gia đánh bạc ngồi hai bên theo cửa chắn và cửa lẻ, mức sát phạt là 50.000đ đặt cửa còn cao hơn thì tùy thuộc vào từng ván bài, sau đó Nguyễn Văn B cầm cái xóc cái cho người chơi đặt theo cửa chắn và cửa lẻ. Ngoài ra, Dương Văn H dùng 04 quân bài chắn ghi 3T, 3Đ, 4T, 4Đ (nghĩa là 03 trắng, 03 đen, 04 trắng, 04 đen) để chơi vị, dựa vào kết quả xóc đĩa chắn lẻ. Quá trình đánh bạc, C, Y, T1, B, T mỗi người đưa cho N 100.000 đồng vì công N chuẩn bị bát, đĩa và chiếu. Các đối tượng cùng nhau đánh bạc đến 14 giờ 40 phút cùng ngày thì bị Công an huyện TD kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang cùng tang vật của vụ án. Tang vật thu giữ gồm: Thu tại hiện trường 01 chiếc chiếu cói đã cũ, trên chiếu có 1.000.000đ, 02 bát sứ, 02 đĩa sứ, 01 kéo; xung quanh chiếu có 08 đôi dép, 01 sơ mi màu đen, 01 áo sơ mi màu đỏ. Trên chiếu có 04 quân vị hình tròn có 02 mặt khác màu nhau, 04 quân vị hình chữ nhật. Kiểm tra người Nguyễn Văn N phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu xanh. Kiểm tra trên người K phát hiện trên tay trái số tiền 400.000đ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám, số tiền 11.000.000đ tại túi quần sau bên phải, K đeo trên người 01 túi giả da màu nâu đen, bên trong có 01 bộ bài, 01 bút bi mực màu đỏ, 01 quyển sổ Notebook A6 bên trong có ghi chữ số bằng mực màu đỏ. Kiểm tra trên người T2 phát hiện 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ, tại túi quần bên trái số tiền 600.000đ và 01 ví giả da màu đen, bên trong có 1.910.000đ.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận về cách thức đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa như sau: Dụng cụ chơi xóc đĩa gồm bát sứ, đĩa sứ, 04 quân xóc hình tròn được cắt từ vỏ bao thuốc lá Ngựa, có một mặt màu trắng và một mặt màu vàng. Người cầm cái cho 04 quân bài vào bát, úp đĩa lên rồi xóc, người chơi sẽ đặt theo cửa chắn, lẻ tùy ý, mỗi ván trổng cửa (mức đặt cược thấp nhất) là 50.000đ còn cao hơn là tùy người chơi ở mỗi ván, khi người cầm cái mở bát ra nếu về 03 mặt trắng, 01 mặt đen, hoặc 01 mặt trắng, 03 mặt đen là cửa lẻ; 02 mặt trắng, 02 mặt đen; 04 mặt trắng, hoặc 04 mặt đen là cửa chắn, người chơi đặt cược tiền ở cửa chắn hoặc lẻ, nếu trúng thì được gấp đôi số tiền đã đặt, còn nếu thua thì mất số tiền đã đặt. Ngoài ra, H dùng 04 quân bài lá chắn ghi 3T, 3Đ, 4T, 4Đ (nghĩa là 3 trắng, 3 đen, 4 trắng, 4 đen) để chơi vị, H làm cái chơi vị, khi người xóc cái xóc ra 3 mặt trắng thì là 3 trắng (3T), 03 mặt đen (3Đ), 04 mặt trắng (4T), 04 mặt đen (4Đ). Tỷ lệ đặt 3T, 3Đ là 01 ăn 03 tức là người chơi đặt

100.000đ nếu thua thì mất tiền cho H, nếu thắng thì người chơi được mang tiền về và H phải trả thêm 200.000đ. Tỷ lệ đặt 4T, 4Đ là 01 ăn 10 tức là người chơi đặt 100.000đ nếu thua thì mất tiền cho H, nếu thắng thì người chơi được mang tiền về và H phải trả thêm 900.000đ

Quá trình điều tra, các bị cáo khai khi tham gia đánh bạc mỗi người có số tiền dùng để đánh bạc như sau: Nguyễn Văn N có 10.000.000 đồng, trả K 7.000.000 đồng, còn 3.000.000 đồng sử dụng để đánh bạc, quá trình đánh bạc, N thắng nên trả tiếp cho K 3.000.000 đồng. Khi Công an đến, xác định chỉ còn khoảng 100.000 đến 200.000 đồng bỏ lại chiếu, bỏ chạy. Nguyễn Văn B có 200.000 đồng, sau đó vay của K 10.000.000 đồng, K cắt lãi 500.000 đồng, còn 9.500.000 đồng. Tổng số tiền B dùng để đánh bạc là 9.700.000 đồng, quá trình đánh bạc T1 trả cho B 2.000.000 đồng, B cắt vào ví không sử dụng vào việc đánh bạc. Khi Công an đến, xác định đang bị thua, số tiền đánh bạc còn khoảng 2.000.000 đến 3.000.000 đồng cầm theo tay, bỏ chạy và bị rơi mất. Nguyễn Văn T1 không có tiền, quá trình đánh bạc, vay của K 5.000.000 đồng, K cắt lãi 300.000 đồng, còn 4.700.000đồng, sau đó T1 trả cho B 2.000.000 đồng; trả cho B1 1.000.000 đồng (tiền nợ từ trước); còn lại 1.700.000 đồng sử dụng để đánh bạc, khi Công an đến chỉ còn khoảng vài trăm nghìn, cầm tiền bỏ chạy và bị rơi mất. Nguyễn Trung T có khoảng 1.200.000 đồng để đánh bạc, quá trình đánh bạc thắng được 2.000.000 đồng, sau đó về trước, số tiền 2.000.000 đồng đã chi tiêu cá nhân hết. Phùng Văn T2 có khoảng 2.000.000 đồng H không sử dụng vào mục đích đánh bạc, sau đó được T1 đưa cho 100.000 đồng, T2 đặt 01 lần, bị thua nên dừng không chơi nữa, quá trình đánh bạc được Y trả 500.000 đồng, không sử dụng để đánh bạc. Lúc vừa đứng dậy ra về thì bị bắt giữ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu đỏ mang theo dùng để liên lạc, không sử dụng vào mục đích đánh bạc. Dương Văn H có 1.000.000 đồng dùng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang, xác định đang thắng được hơn 200.000 đồng, cầm tiền bỏ chạy, sau đó rơi đâu không rõ. Nguyễn Văn C sử dụng 1.050.000 đồng để đánh bạc, khi bị bắt quả tang, xác định đang thua còn 200.000 đồng, số tiền này đã tiêu hết khi chạy trốn. Lê Văn H2 sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc, đặt cửa 02 lần, bị thua hết, sau đó ngồi xem cho đến khi bị bắt quả tang. Nguyễn Văn B1 không mang theo tiền, khi T1 trả nợ số tiền 1.000.000 đồng, B1 trả K 700.000 đồng, còn lại 300.000 đồng, sử dụng 200.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết còn 100.000 không sử dụng để đánh bạc (để mua nước uống cho con). K mang theo khoảng 25.000.000 đồng, N trả nợ 10.000.000 đồng, B1 trả nợ 700.000 đồng; cho T1 vay 5.000.000 đồng, cắt lãi 300.000 đồng, đưa T1 4.700.000 đồng; cho BB và Y mỗi người vay 10.000.000 đồng, cắt lãi mỗi người 500.000đồng. K không trực tiếp tham gia đánh bạc, khi Công an đến, thu giữ trên người K thực tế còn 11.400.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám không dùng để liên lạc không sử dụng vào mục đích đánh bạc.

Ngoài ra, đối tượng Đỗ Văn Y bỏ trốn, quá trình điều tra xác định số tiền Y sử dụng đánh bạc như sau: Y vay của K 10.000.000 đồng, K cắt lãi 600.000

đồng, còn đưa Y 9.400.000 đồng, sau đó Y trả nợ T2 500.000 đồng, còn lại 8.900.000 đồng sử dụng để đánh bạc.

Trên cơ sở lời khai của các bị cáo và quá trình điều tra xác định tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong vụ án này là 36.050.000 đồng.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020, Tòa án nhân dân huyện TD đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án.

Ngoài ra quyết định còn xử lý về vật chứng, áp dụng hình phạt bổ sung, tuY án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 06 tháng 10 năm 2020, bị cáo Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo với nội dung xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Nguyễn Văn B giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc phát biểu về đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo cho bị cáo được hưởng án treo. Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Sửa án sơ thẩm, xử phạt bị cáo B 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử.

Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang do Công an huyện TD lập hồi 15 giờ 30 phút ngày 07/5/2020, phù hợp với lời khai của người làm chứng và còn được chứng minh bằng vật chứng thu giữ được khi bắt người có hành vi phạm tội quả tang cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án; Đã có đủ cơ sở kết luận:

Trong khoảng thời gian từ 12 giờ 30 phút đến 14 giờ 40 phút ngày 07/5/2020, tại khu đồi Đồng Cóc thuộc thôn P, xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc, 11 đối tượng gồm: Nguyễn Như K, Nguyễn Văn B, Đỗ Văn Y, Nguyễn Văn C, Nguyễn Văn N, Dương Văn H, Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn T1, Nguyễn Trung T, Phùng Văn T2, Lê Văn H2 đã thực hiện hành vi đánh bạc được thua bằng tiền dưới hình thức đánh xóc đĩa. Tổng số tiền sử dụng đánh bạc là: 36.050.000 đồng (Ba mươi sáu triệu không trăm năm mươi nghìn đồng).

Với hành vi nêu trên, các cơ quan tiến hành tố tụng của huyện TD đã truy tố, xét xử bị cáo Nguyễn Văn B và các bị cáo khác về tội “đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, thấy rằng: Trước khi phạm tội, bị cáo Nguyễn Văn B chưa có tiền án tiền sự. Trong vụ án này Tòa án cấp sơ thẩm xác định bị cáo B đóng vai thứ hai của vụ án và xác định bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng nào. Căn cứ vào nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức độ phạm tội của bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo mức án 01 năm tù là phù hợp.

Tuy nhiên, ở giai đoạn phúc thẩm bị cáo đã xuất trình cho Tòa án cấp phúc thẩm đơn xin xác nhận của UBND xã H xác nhận bị cáo là lao động duy nhất trong gia đình; Quyết định về tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở và Giấy khen bị cáo B đã có thành tích xuất sắc trong công tác đấu tranh và phòng chống tội phạm do Giám đốc công an tỉnh Vĩnh Phúc tặng năm 2015; đã chứng tỏ bị cáo là người có nhân thân tốt. Các tình tiết này được coi là tình tiết giảm nhẹ mới và có thể áp dụng thêm khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tại phiên tòa bị cáo không xin giảm nhẹ mức án mà chỉ đề nghị Tòa án cho bị cáo hưởng án treo. Hội đồng xét xử thấy mặc dù bị cáo có thêm tình tiết giảm nhẹ mới nhưng mức án áp dụng cho bị cáo như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp. Do bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng nên Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cho bị cáo được hưởng án treo, với sự giúp đỡ của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn B.

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số: 53/2020/HS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện TD.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn B phạm tội: “Đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B 01 (một) năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 tháng kể từ ngày tuY án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy Ban nhân dân xã H, huyện TD, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có tên nêu trên, cố tình vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Tòa án nhân dân huyện TD;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện TD;
- Công an huyện TD;
- Chi cục THA dân sự huyện TD;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án, tòa Hình sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh